

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN A

TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 33/2020/ST-HNGĐ

Ngày 29/4/2020

“ V/v Yêu cầu ly hôn ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trí và ông Thái Doãn Quỳnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 29/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2019/TLST – HNGĐ ngày 18/12//2019 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 30/03/2020 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 100/TB-TA ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị L – Sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn 3, xã Thành Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vi Văn T – Sinh năm: 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.

3. Người làm chứng: Ông Vi Văn T – Sinh năm: 1967 (Cha đẻ của anh Vi Văn T) - Trú tại: Thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lương Thị L vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Lương Thị L trình bày:*

Chị Lương Thị L kết hôn với anh Vi Văn T vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 1 con chung. Tuy nhiên đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xấu ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách thay đổi ngày càng không hợp nhau nên thường xảy ra cãi cọ, không có tiếng nói chung, đến năm 2017 vợ chồng đã sống ly

thân cho đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải, bàn bạc nhưng vợ chồng vẫn không chung sống được với nhau. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Trước khi kết hôn chị L và anh T đã chung sống với nhau và có 1 con chung là Vi Thị Khánh L sinh ngày 12/02/2008. Từ khi chị L và anh T sống ly thân đến nay con ở với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt nên không có ý kiến.*

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cháu Vi Thị Khánh L vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cháu L trình bày: Hiện nay bố mẹ ly hôn, không ở với nhau nên cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.*

- *Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là ông Vi Văn T vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Vi Văn T trình bày:*

Anh Vi Văn T là con trai của ông Vi Văn T, anh T và chị Lương Thị L kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 1 con chung. Đến đầu năm 2016 thì vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai gia đình có khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng là vào năm 2017, do không hòa hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân thì chị L đưa con nhà cha mẹ đẻ sinh sống, còn anh T vẫn ở tại nhà ông T, một thời gian sau thì anh T đi làm ăn. Từ khi anh T đi anh T chưa về lần nào mà chỉ liên lạc qua điện thoại về cho ông T. Anh T chỉ nói đi làm ăn với bạn ở nhiều nơi chứ không nói cụ thể ở đâu cả. Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ cho anh T về việc chị L yêu cầu ly hôn thì ông T đã nhận và gọi điện báo cho anh T biết. Anh T nói, vợ chồng mâu thuẫn thì ly hôn nhưng do hiện nay anh T đi làm xa không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

Về con chung: Anh T và chị L có 1 con chung là Vi Thị Khánh L, hiện nay con đang ở với chị L.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung gì.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng: Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao con chung Vi Thị Khánh L sinh ngày 12/02/2008 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn T.

Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn giữa chị L và anh T cho ông Vi Văn T là bố đẻ của anh T nhận và ông T đã báo lại cho anh T biết nhưng anh T vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để giải quyết theo yêu cầu của Tòa án, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị L, nhưng anh T không về và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của mình cho chị T và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Đối với chị L đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

(2) *Về nội dung vụ án:*

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị L và anh Vi Văn T kết hôn với nhau vào năm 2009, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn thì chị L và anh T chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, thường xuyên phát sinh tranh cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình 2 bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Khi sống ly thân chị L đưa con về sinh sống với bố mẹ đẻ, còn anh T vẫn ở lại tại nhà cha mẹ đẻ tại thôn 3, xã T, huyện A, một thời gian sau thì anh T đi làm ăn cho đến nay. Trước khi đi anh T chỉ nói với ông T là đi làm ăn chứ không nói đi đâu và anh T không bàn bạc với chị L nên hiện tại chị L không biết anh T ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T khai là anh T đi làm ăn với bạn ở nhiều nơi chứ không biết địa

chỉ cụ thể ở đâu, từ khi đi cho đến nay gia đình chỉ liên lạc qua điện thoại, anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Lương Thị L nhưng anh T không về giải quyết và cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của mình. Việc anh T không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc của mình là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án sẽ xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống hiện tại và tương lai. Nhưng giữa chị L và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi, chỉ lo cho bản thân của riêng mình. Do đó hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị L là phù hợp với khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T cũng mong muốn được ly hôn với chị L.

* *Về con chung*: Chị L và anh T có 1 con chung là Vi Thị Khánh L, sinh ngày 12/02/2008. Hiện nay con đang ở với chị L nên cần tiếp tục giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị L và cháu Vi Thị Khánh L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị L không yêu cầu anh Vi Văn T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lâm Văn T.

* *Về tài sản chung*: Chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

* *Về án phí*: Chị Lương Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử;

* *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

* *Về con chung*: Giao con chung là Vi Thị Khánh L sinh ngày 12/02/2008 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn T.

(Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

*** Về án phí:**

Chị Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001908 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

